

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2020/HS-ST
Ngày 29 - 04 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Vũ Thị Quỳ

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Quý Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Công Hoàng – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Phú A, sinh ngày 04 tháng 01 năm 1988, tại Hải Phòng; Nơi đăng ký thường trú: Thôn N 1, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phú K1 và bà Phạm Thị P1; tiền án: Bản án số 27/2010/HSST ngày 15/9/2010 Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xử phạt 24 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, đã xóa án tích; Bản án số 04/2017/HSST ngày 19/01/2017 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng xử 42 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 19/11/2019, có mặt.

2. Vũ Quang K (Vũ Văn K), sinh ngày 28 tháng 01 năm 1991, tại Hải Phòng; Nơi đăng ký thường trú: Thôn N 3, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng;

nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn B và bà Nguyễn Thị L1; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 20/11/2019, có mặt.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có nghề nghiệp, không có tiền ăn tiêu nên ngày 15/11/2019, Nguyễn Phú A rủ Vũ Văn K, hẹn nhau khoảng 09 giờ 00 phút ngày 16/11/2019, Phú A và K gặp nhau tại khu vực cổng bệnh viện K1, Hải Phòng để K gửi xe tại bệnh viện K1, cả hai cùng nhau đi xe mô tô Exciter BKS 15B1- 441.72 của Phú A đi lang thang trên đường tìm kiếm người dân sơ hở để cướp giật tài sản, K đồng ý. Đúng hẹn vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 16/11/2019, sau khi gửi xe mô tô xong, Phú A điều khiển xe mô tô BKS 15B1- 441.72 chở K ngồi sau đi từ cổng bệnh viện K1 đến huyện K. Đến 09 giờ 59 phút cùng ngày đi đến khu vực cánh đồng trên đường 361 thuộc thôn 1, xã T, huyện K, Phú A nhìn thấy chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1974, ở thôn 1, xã T, huyện K trên cổ đeo một sợi dây chuyền màu vàng đang điều khiển xe mô tô đi ngược chiều. Phú A dùng vai trái đẩy về sau vào người K và nói “có hàng, làm nhá”, K nói “vâng”. Phú A điều khiển xe đi vượt qua xe mô tô do chị Nguyễn Thị T điều khiển khoảng 50m, sau đó cho xe quay đầu lại đi cùng chiều với chị T được khoảng 01km, lúc này vắng người, Phú A tăng ga, nhanh chóng áp sát xe của chị T, K ngồi sau dùng tay phải giật sợi dây chuyền làm chị T cùng xe mô tô bị đổ, ngã ra đường. Sau khi, K giật được dây chuyền, Phú A điều khiển xe bỏ chạy ra đường Phạm Văn Đồng, trên đường bỏ chạy về cổng bệnh viện K1 để K lấy xe mô tô mà K đã gửi trước đó, Phú A và K thống nhất K là người cầm dây chuyền về nhà cất giấu.

Ngày 16/11/2019, chị Nguyễn Thị T có đơn trình báo đến công an xã T, huyện K.

Ngoài ra, Phú A và K còn khai nhận đã 02 lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản trên địa bàn huyện T1, tỉnh T. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 13 giờ ngày 15/11/2019, Nguyễn Phú A điều khiển xe mô tô BKS 15B1 – 441.72 chở Vũ Văn K trên đường 456 thuộc thôn A, xã T2, huyện T1, tỉnh T gặp chị Vũ Thị N, sinh năm: 1997, trú tại thôn Đ, xã T2 đang điều khiển xe máy điện đi cùng chiều. K ngồi sau giật 01 điện thoại Iphone 6s plus của chị N, trị giá 6.000.000đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 10 giờ ngày 18/11/2019, Nguyễn Phú A điều khiển xe mô tô BKS 15B1 – 441.72 chở Vũ Văn K trên đường đi thuộc địa phận khu 9, thị trấn D, huyện T1, tỉnh T gặp chị Nguyễn Thị C, sinh năm: 1988, trú tại thôn V, T3, T1 điều khiển xe mô tô đi cùng chiều. K ngồi sau giật 01 sợi dây chuyền vàng có gắn mặt đá của chị C, trị giá 5.000.000đồng.

Ngày 19/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 bắt giữ người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Phú A về hành vi “Cướp giật tài sản” trên địa bàn huyện T1, tỉnh T. Cùng ngày 19/11/2019, Vũ Văn K đến Công an huyện T1, tự thú về hành vi cướp giật tài sản trên địa bàn huyện T1 và huyện K, Hải Phòng. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 tiến hành khám xét khẩn cấp tại nhà Vũ Văn K, thu giữ ở lán nhà dưới phía đông, tại vị trí đỉnh treo bên trong túi nilon màu đỏ 01 dây kim loại màu vàng được đan lại với nhau bằng nhiều mắt kim loại, sợi dây có chiều dài 39cm, mặt dây kim loại màu vàng có hình hai trái tim ngược chiều nhau.

Kết luận định giá tài sản ngày 27/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: 01 dây chuyền dài 39cm, mặt dây chuyền 02 trái tim nổi, cả hai làm bằng vàng có trọng lượng 03 chỉ, hàm lượng 650 vàng tây. Có ký hiệu AN, PNJ, trị giá 7.500.000 đồng.

Kết luận giám định số 14 ngày 02/12/2019 của phòng kỹ thuật hình sự công an thành phố Hải Phòng kết luận: Một sợi dây kim loại màu vàng dạng dây chuyền có khối lượng 8,6639gam, là hợp kim vàng, bạc, đồng và kẽm. Hàm lượng vàng là 69,62%; bạc 5,1%; đồng 19,6% và kẽm 5,6%. Một mặt của dây chuyền bằng kim loại vàng có hình trái tim nổi nhau có khối lượng 2,5853gam, là hợp kim của vàng, bạc, đồng, kẽm và paladi. Hàm lượng vàng là 60,65%; bạc 12,8%; đồng 22,6%; kẽm 3,7% và paladi 0,1%.

Kết luận giám định số 222 ngày 16/01/2020 của phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: hình ảnh video ghi lại Nguyễn Phú A và Vũ Văn K điều khiển xe mô tô trên đoạn đường 361 thuộc thôn 1 xã T, huyện K vào hồi 09 giờ 59 phút ngày 16/11/2019, là 02 tập tin có phần mở rộng MP4, tổng dung lượng 862MB được lưu trong USB màu đỏ, nhãn hiệu Kingston 8GB đã qua sử dụng không bị cắt ghép, sửa chữa.

Cáo trạng số 11/CT-VKSKT ngày 03 tháng 3 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Nguyễn Phú A phạm tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Vũ Văn K phạm tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại bản án số 18/2020/HSST ngày 10/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T đã xử phạt bị cáo Nguyễn Phú A 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật

tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 19/11/2019 và Vũ Quang K 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 20/11/2019.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Phú A, Vũ Quang K về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38, 56, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo A từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm 06 tháng tù, tổng hợp với hình phạt 04 năm 06 tháng tù tại bản án số 18/2020/HSST ngày 10/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 38, 56, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Quang K từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm 06 tháng tù, tổng hợp với hình phạt 04 năm 06 tháng tù tại bản án số 18/2020/HSST ngày 10/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; về dân sự: do người bị hại đã nhận lại tài sản và không có ý kiến đề nghị gì nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét; các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của người bị hại là chị Nguyễn Thị T: Chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị đã nhận lại tài sản và không có ý kiến, đề nghị gì .

- Ý kiến của các bị cáo: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố là đúng; các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố đối với các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ được cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa đã

có đủ cơ sở xác định: Các bị cáo Nguyễn Phú A, Vũ Quang K đã điều khiển phương tiện là xe mô tô BKS 15B1 441.72 dùng thủ đoạn nhanh chóng chiếm đoạt tài sản của người bị hại là 01 dây chuyền vàng, làm người bị hại ngã ra đường sau đó nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi của các bị cáo không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn đe dọa gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe của người khác nên hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Các bị cáo Nguyễn Phú A, Vũ Quang K đã điều khiển xe mô tô BKS 15B1-441.72 đi với tốc độ cao, nhanh chóng áp sát và giật dây chuyền trên cổ người bị hại làm người bị hại ngã ra đường. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã vi phạm vào tình tiết định khung “dùng thủ đoạn nguy hiểm” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra nhân thân bị cáo Nguyễn Phú A đã có 01 tiền án về tội rất nghiêm trọng chưa được xóa án tích, lần phạm tội này bị cáo lại phạm tội rất nghiêm trọng nên bị cáo Nguyễn Phú A còn phải chịu thêm một tình tiết định khung hình phạt là “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự như kết luận của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không vi phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong quá trình điều tra về hành vi cướp giật tại địa bàn huyện T1, tỉnh T các bị cáo Nguyễn Phú A, Vũ Quang K đã tự khai báo về hành vi phạm tội của mình vào ngày 16/11/2019 tại huyện K, thành phố Hải Phòng. Đó là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Phú A đóng vai trò là người đề xuất đồng thời là người thực hành tích cực, bị cáo Vũ Quang K phạm tội với vai trò là người giúp sức, thực hành tích cực. Ngoài ra nhân thân của bị cáo Nguyễn Phú A còn có 01 tiền án về tội rất nghiêm trọng chưa được xóa án tích thì bị cáo lại tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo Anh không có ý thức cải tạo, tu dưỡng để trở thành người công dân lương thiện nên mức án của bị cáo A phải cao hơn so với bị cáo K và phải ở mức cao trong khung hình phạt đồng thời phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Do bản án số 18/2020/HSST ngày 10/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh

T xét xử đối với các bị cáo đã có hiệu lực pháp luật nên cần tổng hợp hình phạt buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Về phần dân sự: Do người bị hại là chị Nguyễn Thị T đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì khác nên hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng đã được xem xét giải quyết tại bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HSST ngày 10/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T nên hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38, 56, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Phú A: 05 năm tù về tội “ Cướp giật tài sản”, tổng hợp với hình phạt 04 năm 06 tháng tù tại bản án số 18/2020/HSST ngày 10/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/11/2019.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38, 56, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Quang K (Vũ Văn K): 04 năm tù về tội “ Cướp giật tài sản”, tổng hợp với hình phạt 03 năm 06 tháng tù tại bản án số 18/2020/HSST ngày 10/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/11/2019.

* Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội, các bị cáo Nguyễn Phú A, Vũ Quang K mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

* Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND; TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Phòng PV06; PC10
- Chi cục THADS huyện K;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND xã T,A;
- Trại tạm giam Công an tỉnh T;
- Bị cáo; bị hại
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Trọng Quang